

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy nháp, bút và thẻ chữ số để kiểm theo hàng.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện và nói điều cần tìm trước khi tính. Có thể tách số, vẽ sơ đồ hoặc dùng thẻ để giải thích.

Ghi cách làm và một phép kiểm phù hợp; chỉ mở đáp án sau khi đã tự thử.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu giữ đúng quan hệ và đơn vị. Với câu mở, ghi đúng ví dụ trẻ đã chọn, không buộc theo ví dụ đáp án.

Đọc lại nguyên đề khi cần và ghi riêng phần đã trợ giúp; không dùng tốc độ hoặc số trang để xác nhận hiểu toán.

Bài 1 · tr. 01 **Chọn dữ kiện và quan hệ trong chuyện số tự nhiên**

Mục tiêu Chọn đúng dữ kiện và quan hệ cần dùng trong bài toán tự nhiên.

Ví dụ Có 7 hộp, mỗi hộp 8 quyển vở, mỗi quyển giá 6000 đồng. Hỏi số vở chỉ cần $7 \times 8 = 56$ quyển; giá tiền là dữ kiện không cần cho câu hỏi này.

Đề Câu 1 Kho có 9 thùng, mỗi thùng 24 chai; mỗi chai 500 ml. Hỏi số chai trong kho. Dữ kiện nào không cần?

Câu 1 · tr. 01 $9 \times 24 = 216$ chai; không cần 500 ml mỗi chai.

Câu 2 · tr. 01 Trừ số đã chuyển: $360 - 85 = 275$; cộng số nhận thêm: $275 + 45 = 320$ quyển.

Câu 3 · tr. 01 Giữ cùng giá mỗi hộp, cùng loại; khi đó có thể tìm giá một hộp rồi nhân 7.

Câu 4 · tr. 02 Cần bốn túi có số viên bằng nhau. Chỉ tổng 28 viên chưa đủ kết luận từng túi 7 viên.

Bài 2 · tr. 02 **Lập kế hoạch hai hoặc ba bước với số tự nhiên**

Mục tiêu Lập câu hỏi trung gian và giải bài toán hai hoặc ba bước tính.

Ví dụ Có 6 hộp, mỗi hộp 18 bút. Cho đi 12 bút rồi chia đều cho 8 bạn. Tìm 108 bút, còn 96 bút, rồi $96 : 8 = 12$ bút mỗi bạn.

Câu 1 · tr. 02 $8 \times 15 = 120$ thẻ; $120 : 6 = 20$ thẻ mỗi bạn.

Câu 2 · tr. 02 $3 \times 12\,000 = 36\,000$; $36\,000 + 8\,000 = 44\,000$; $50\,000 - 44\,000 = 6\,000$ đồng.

Câu 3 · tr. 03 $125 + 95 = 220$ kg; $220 : 10 = 22$ bao.

Câu 4 · tr. 03 Ban đầu có bao nhiêu cây? $7 \times 24 = 168$. Còn bao nhiêu cây? $168 - 48 = 120$. Mỗi luống $120 : 6 = 20$ cây.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 03 Lập và thực hiện kế hoạch bốn bước tính

Mục tiêu Thực hiện kế hoạch gồm bốn bước, mỗi bước trả lời một câu hỏi trung gian.

Ví dụ Có 5 hộp, mỗi hộp 24 thẻ; thêm 20 thẻ, cho 40 thẻ rồi chia đều 5 bạn. Bốn bước: $5 \times 24 = 120$; $120 + 20 = 140$; $140 - 40 = 100$; $100 : 5 = 20$ thẻ mỗi bạn.

Câu 1 · tr. 03 $6 \times 24 = 144$; $144 + 36 = 180$; $180 - 60 = 120$; $120 : 8 = 15$ bút mỗi nhóm.

Câu 2 · tr. 04 $4 \times 15\,000 = 60\,000$; $3 \times 7\,000 = 21\,000$; $60\,000 + 21\,000 = 81\,000$; $100\,000 - 81\,000 = 19\,000$ đồng.

Câu 3 · tr. 04 $8 \times 18 = 144$ chai; $144 : 3 = 48$ chai đã bán; $144 - 48 = 96$ chai còn lại; $96 : 6 = 16$ chai mỗi khay.

Câu 4 · tr. 04 $240 - 60 = 180$; $5 \times 12 = 60$; $180 + 60 = 240$; $240 : 8 = 30$ quyển mỗi ngăn.

Bài 4 · tr. 05 Quan hệ phụ thuộc trực tiếp trong chuyện số tự nhiên

Mục tiêu Dùng quan hệ phụ thuộc trực tiếp đơn giản khi lượng trên mỗi đơn vị giữ nguyên.

Ví dụ Ba gói cùng loại hết 45 000 đồng nên một gói 15 000 đồng. Nếu giữ giá mỗi gói thì 5 gói hết 75 000 đồng; đổi giá phải tính lại.

Câu 1 · tr. 05 $120\,000 : 4 = 30\,000$ đồng mỗi mét; $30\,000 \times 7 = 210\,000$ đồng.

Câu 2 · tr. 05 $72 : 3 = 24$ kg mỗi bao; $24 \times 5 = 120$ kg. Các bao có cùng khối lượng gạo.

LT1 · tr. 05 Mỗi hộp có cùng số bút: $36 : 3 = 12$; $12 \times 5 = 60$. Có 60 bút.

Câu 3 · tr. 06 Không; giá mỗi vé đã thay đổi. Cần biết giá vé ngày sau.

Câu 4 · tr. 06 $180 : 3 = 60$ nhãn mỗi giờ; $60 \times 5 = 300$ nhãn; cần máy làm đều với cùng năng suất.

Bài 5 · tr. 06 Kiểm đáp số của một kế hoạch nhiều bước

Mục tiêu Kiểm đáp số bằng đơn vị, phép tính ngược và các điều kiện của đề.

Ví dụ Sáu hộp có 15 bút mỗi hộp là 90 bút. Nếu chia đều 5 nhóm, mỗi nhóm 18 bút. Kiểm $18 \times 5 = 90$ và $90 : 6 = 15$, đồng thời giữ đơn vị bút.

Câu 1 · tr. 06 $5 \times 18 = 90$; $90 - 30 = 60$; $60 : 3 = 20$ thẻ mỗi bạn, không phải 20 bạn; $20 \times 3 + 30 = 90$.

Câu 2 · tr. 07 Tiền hàng $2 \times 36\,000 = 72\,000$ đồng; tiền thừa 28 000 đồng; $72\,000 + 28\,000 = 100\,000$.

Câu 3 · tr. 07 $(180 + 4 \times 15) : 6 = 240 : 6 = 40$ cây mỗi hàng. Phải tìm số cây trong 4 bó trước.

Câu 4 · tr. 07 Ví dụ 6 gói bằng nhau có 48 viên. Năm gói như vậy có $(48 : 6) \times 5 = 40$ viên. Chấp nhận chuyện khác có lượng trên mỗi đơn vị bằng nhau.

LT1 · tr. 07 $4 \times 9 = 36$; $36 : 6 = 6$ viên mỗi bạn. Kiểm: $6 \times 6 = 36$.